

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 13/2021/DS - ST

Ngày 25/11/2021

Về: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền
2. Ông Lê Đình Cự

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung - Thư ký Tòa án

Đ1 diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX- ST ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị H - sinh năm 1958

Địa chỉ: Căn hộ B, tháp B, tổ dân phố G, phường M, quận L, thành phố H.

Đ1 diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1995. Địa chỉ: phòng 6, tầng 14, tòa nhà V, đường P, phường T, quận C, H.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hợp Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ: Căn hộ B, tháp B, tổ dân phố G, phường M, quận L, thành phố H.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ngân hàng T, phường L, quận H, Hà Nội.

Đ1 diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hợp Đ và chị Nguyễn Thị Thu H1 là chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1995; Địa chỉ: phòng 6, tầng 14, tòa nhà V, đường P, phường T, quận C, H.

3. Anh Nguyễn Thời Đ1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Căn hộ B, tháp B, tổ dân phố G, phường M, quận L, thành phố H.

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1940 (chồng bà Trần Thị V)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bà H, chị V, anh Đ1. Vắng mặt ông Đ, chị H1, ông S. Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải bà Cao Thị H là nguyên đơn trình bày:**

* Từ năm 2014 đến 04/01/2016 bà Trần Thị V đã nhận của bà tổng số tiền là 810.000.000 tiền lo công việc. Bà V đã trả được: lần 1 là 220.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng;

Lần 2 trả 100.000.000 đồng tiền mặt tại Trụ sở Công an huyện Đông Hưng

Lần 3 trả 342.000.000 đồng tại Trụ sở Công an huyện Đông Hưng

Như vậy, bà V đã trả được cho bà 662.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 148.000.000 đồng bà V chưa trả.

*Từ năm 2015 đến năm 2017, bà V đã mượn của bà 800.000.000 đồng để làm ăn gồm 600.000.000 đồng bà V vay và 200.000.000 đồng tiền góp vốn làm ăn. Bà V đã trả được:

Lần 1: Tháng 8/2019 trả là 582.000.000 đồng

Lần 2: Ngày 04/01/2020 trả được 80.000.000 đồng.

Như vậy, bà V đã trả được cho bà tổng số tiền là 662.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 138.000.000 đồng.

Bà yêu cầu bà Trần Thị V trả số tiền còn nợ bà là 286.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Về nguồn gốc số tiền 1.610.000.000 đồng bà đưa cho bà V là tài sản chung của bà và chồng bà là ông Nguyễn Hợp Đ.

Bà xác định bà V là người vay tiền của bà, tiền lo công việc cho con trai bà là Nguyễn Thời Đ1, tiền góp vốn làm ăn, những khoản tiền này không liên quan đến ông S - chồng bà V.

Việc bà V khai có chuyển cho anh Nguyễn Thời Đ1 con trai bà số tiền 50.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thu H1 con gái bà số tiền là 25.000.000 đồng không liên quan đến tổng số tiền 1.610.000.000 của bà đưa cho bà V. Việc bà V vay tiền riêng của anh Đ1 và chị H1 và trả nợ như thế nào không liên quan đến vụ án này.

Bà Trần Thị V là bị đơn trình bày:

*Từ năm 2014 đến 04/01/2016 bà đã nhận của bà H tổng số tiền là 810.000.000 tiền lo công việc.

*Từ năm 2015 đến năm 2017, bà đã mượn của bà H 800.000.000 đồng để làm ăn gồm 600.000.000 đồng bà vay bà H và 200.000.000 đồng bà H góp tiền vốn làm ăn.

Như vậy, tổng số tiền bà nhận của bà H là 1.610.000.000 đồng.

Bà đã trả cho bà H trước khi bà H gửi đơn ra Công an là 948.000.000 đồng trong đó bà đưa cho công ty D là 582.000.000 đồng; Công ty Luật D1 là 80.000.000 đồng; bà chuyển khoản cho ông Đ là 160.000.000 đồng; chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị Thu H1 (con gái bà H) là 25.000.000 đồng; Chuyển khoản cho anh Nguyễn Thời Đ1 (con trai bà H) là 50.000.000 đồng và đưa tay cho ông Đ là 51.000.000 đồng (tài liệu chứng cứ bà chuyển khoản cho ông Đ và đưa tay cho ông Đ thì ông Đ phải có trách nhiệm cung cấp cho Tòa án; chị H1 và anh Đ1 phải có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án).

Sau khi Công an thụ lý đơn tố cáo của bà H bà đã trả cho bà H số tiền là 662.000.000 đồng gồm:

Lần 1 ngày 07/8/2020 là 220.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

Lần 2 ngày 01/10/2020 trả 100.000.000 đồng tiền mặt tại Trụ sở Công an huyện Đông Hưng.

Lần 3 ngày 10/10/2020 trả 342.000.000 đồng tại Trụ sở Công an huyện Đông Hưng.

Vậy tổng số tiền bà đã trả cho gia đình bà H là 1.610.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả bà H 286.000.000 đồng.

Trước khi làm ăn chung với bà H thì bà với bà H có bàn bạc bà trả cho ông Nguyễn Hợp Đ (chồng bà H) tiền lãi của khoản tiền vay và tiền lãi của khoản tiền góp vốn làm ăn chung. Thực hiện đúng lời hứa bà đã chuyển tiền lãi của số tiền vay và tiền lãi của tiền góp vốn làm ăn chung cho ông Đ là 145.000.000 đồng. Đối với số tiền bà H góp vốn làm ăn với bà về bản chất là tiền bà vay bà H để làm ăn chứ không phải là tiền cổ phần của bà H.

Bà xác định ông S không liên quan đến các khoản tiền bà nợ của bà H.

Ngày 19/11/2021 bà Trần Thị V nộp bản tự khai với nội dung: Nhiều lần bà đã gửi tiền cho ông Đ và giao tiền nhưng bằng hình thức đưa tay cho bà H nhưng ông Đ, bà H chối cãi bà chưa trả tiền nên bà đồng ý trả bà H 286.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng bà chưa có tiền để trả.

Bà Nguyễn Thị Hồng V là Đ1 diện theo ủy quyền của bà Cao Thị H, ông Nguyễn Hợp Đ và bà Nguyễn Thị Thu H1 nhất trí với ý kiến của bà Cao Thị H.

Ông Nguyễn Hợp Đ trình bày: Bà V chỉ chuyển khoản cho ông 145.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay và tiền góp vốn làm ăn chung,

không liên quan đến tổng số tiền 1.610.000.000 đồng mà bà V đã xác nhận từ vợ ông là bà Cao Thị H. Hiện nay bà H cũng không đòi tiền lãi. Do đó, bà V khấu trừ số tiền lãi 145.000.000 đồng vào số tiền gốc 1.610.000.000 đồng là không đúng. Ông không có trách nhiệm và nghĩa vụ phải cung cấp tài liệu chứng cứ bà V chuyển tiền cho ông. Nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà V ông không liên quan. Hiện bà V còn nợ vợ chồng ông 286.000.000 đồng. Ông hoàn toàn thống nhất với mọi ý kiến của vợ ông là bà Cao Thị H.

Chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Số tiền 60.000.000 đồng chị chuyển cho bà V là tiền của mẹ chị (bà Cao Thị H) đưa cho chị, nhờ chị gửi cho bà V. Bà V đã thừa nhận sự việc này qua giấy biên nhận ngày 04/01/2016. Đối với số tiền 25.000.000 đồng bà V chuyển khoản cho chị là số tiền bà V vay riêng chị không liên quan đến tổng số tiền 1.610.000.000 đồng mà bà V đã xác nhận có nhận từ mẹ chị bà Cao Thị H. Chị nhất trí với toàn bộ ý kiến của bà Cao Thị H.

Anh Nguyễn Thời Đ1 trình bày: Anh là con trai của bà Cao Thị H. Bà V khai có chuyển khoản cho anh 50.000.000 đồng để khấu trừ số tiền bà V còn nợ bố mẹ anh anh không đồng ý vì thực chất là số tiền bà V trả nợ riêng cho anh không liên quan đến số tiền 1.610.000.000 đồng. bà V vay riêng anh 100.000.000 đồng mới trả được 50.000.000 đồng như bà V kê khai, còn lại 50.000.000 đồng anh sẽ khởi kiện bà V bằng một vụ án khác, không liên quan đến vụ án này.

Ông Nguyễn Tuấn S trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị V, việc bà V nhận tiền, vay tiền của bà H và bà H đưa tiền cho bà V như thế nào ông không biết vì không ai nói gì với ông. Bà V sử dụng số tiền như thế nào ông cũng không biết. Số tiền bà H đưa cho bà V không dùng vào việc gì trong gia đình ông. Mọi chi tiêu trong gia đình đều dùng tiền lương của ông. Ông xác định ông không liên quan đến tiền nong giữa bà H và bà V.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả 286.000.000 đồng và xác định 286.000.000 đồng là tiền bà V vay bà H chưa trả hết. Khi khởi kiện bà H xác định tổng số tiền bà V nợ bà H là 286.000.000 đồng bao gồm cả tiền nợ lo công việc cho anh Đ1 và tiền vay cá nhân, xong tại phiên tòa hôm nay bà H xác định toàn bộ số tiền 286.000.000 đồng là nợ của khoản vay cá nhân không liên quan đến tiền lo công việc cho anh Đ1. Số tiền 145.000.000 đồng gia đình bà H và bà V thỏa thuận là tiền lãi của 800.000.000 đồng bao gồm cả tiền vay 600.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/01/2016 và tiền góp vốn 200.000.000 đồng. Trong giấy biên nhận ngày 14/8/2015 có ghi tiền cổ phần cô H đưa bác V 200.000.000 đồng về bản chất là tiền bà H cho bà V vay.

Chị Nguyễn Thị Hồng V là Đ1 diện theo ủy quyền của bà H, ông Nguyễn Hợp Đ, chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Đề nghị Tòa án buộc bà V phải trả cho bà H, ông Đ số tiền còn nợ 286.000.000 đồng. Ông Đ có nhận của bà V 145.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền bà V vay bà H 800.000.000 đồng (gồm tiền vay 600.000.000 đồng và tiền góp vốn 200.000.000 đồng) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/01/2016 và giấy biên nhận ngày 14/8/2015. Bà V không đưa tay cho ông Đ là 51.000.000 đồng. Đối với số tiền 25.000.000 đồng bà V chuyển khoản cho chị H1 là số tiền bà V vay riêng chị H1, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Thời Đ1 trình bày: Anh xác định số tiền 50.000.000 đồng bà V chuyển khoản cho anh là số tiền bà V vay riêng anh, bà V vay riêng anh 100.000.000 đồng, đã chuyển trả anh 50.000.000 đồng hiện bà V vẫn còn nợ anh 50.000.000 đồng nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người Đ1 diện theo ủy quyền đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà Cao Thị H, ông Nguyễn Hợp Đ số tiền 286.000.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu của bà Cao Thị H được chấp nhận nên bà H, ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị H khởi kiện đòi nợ bị đơn bà Trần Thị V có địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, là vụ án “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Bà Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hợp Đ và chị Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt nhưng có Đ1 diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Hồng V tham gia phiên tòa. Căn cứ

khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị H khai:

* Từ năm 2014 đến 04/01/2016 bà Trần Thị V đã nhận của bà H tổng số tiền là 810.000.000 đồng tiền lo công việc cho con trai bà H là anh Nguyễn Thời Đ1.

Xét thấy, trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án bà Cao Thị H có đơn tố giác bà Trần Thị V tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 810.000.000 đồng của bà H dưới hình thức lo việc cho con trai bà là anh Nguyễn Thời Đ1 nhưng không lo được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng xác định: bà V không gian dối với bà H về khả năng lo việc của mình và không xác định được bà V có ý thức chiếm đoạt số tiền 810.000.000 đồng của gia đình bà H. Do đó hành vi của bà Trần Thị V không có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 39 ngày 20/10/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với lý do hành vi của bà Trần Thị V không cấu thành tội phạm.

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 20 ngày 19/11/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng giữ nguyên Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 39 ngày 20/10/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng.

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 01 ngày 07/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 20 ngày 19/11/2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà V trả tiền

Xem xét các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, sau khi bà V không lo được công việc cho con trai bà H thì giữa bà V và bà H đã lập biên bản thỏa thuận với nội dung bà V có nhận của bà H số tiền lo việc cho con trai bà H, tiền vay, tiền góp vốn kinh doanh là 1.610.000.000 đồng. Bà H xác định từ năm 2014 đến năm 2017 bà V đã trả bà H 1.324.000.000 đồng, số tiền nợ chưa trả 286.000.000 đồng. Bà V cho rằng bà đã trả đủ bà H 1.610.000.000 đồng nhưng nhiều lần bà V gửi tiền cho ông Đ, giao tiền bằng hình thức đưa tay cho bà H nhưng nay ông Đ, bà H không thừa nhận và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã đưa tiền nên bà V đồng ý trả bà H 286.000.000 đồng như yêu cầu của bà H nhưng bà V chưa có tiền để trả.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Buộc bà V có trách nhiệm trả cho bà H, ông Đ số tiền nợ là 286.000.000 đồng.

Anh Đ1, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền riêng anh Đ1, chị H1 cho bà V vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H, ông Đ không phải chịu án phí.

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ cho bà H, ông Đ là: $286.000.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 14.300.000 \text{ đồng}$

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; điều 147; Điều 235; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H yêu cầu bà Trần Thị V trả tiền cho vợ chồng bà.

Buộc bà Trần Thị V, sinh năm 1961; Địa chỉ : Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh T phải trả cho bà Cao Thị H, ông Nguyễn Hợp Đ số tiền 286.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trần Thị V phải chịu 14.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị H, ông Nguyễn Hợp Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Cao Thị H 7.150.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0002755 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, chị V, anh Đ1 báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, chị H1, ông Đ báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương